

Số: 24 /2021/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 04 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ
bờ biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển, hải đảo năm 2015;

*Căn Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển, hải
đảo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
3466/TTr-STNMT ngày 26 tháng 7 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về mục tiêu, nội dung và trách nhiệm quản lý,
bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt
động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Chương II
NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN**

Điều 3. Hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre là dải đất ven biển được thiết lập ở những khu vực cần bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

2. Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển được xác định trên các mặt cắt đặc trưng để bảo đảm yêu cầu, mục tiêu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển và phù hợp với điều kiện thực tế của khu vực thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển trên một mặt cắt đặc trưng được xác định là khoảng cách lớn nhất tính từ đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm (Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 Công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm trên địa bàn tỉnh Bến Tre) đến các đường:

a) Đường nối các điểm có giá trị lớn nhất được tính toán nhằm bảo đảm yêu cầu, mục tiêu thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Khoản 1 Điều 23 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo).

b) Đường ranh giới ngoài của khu bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;

c) Đường ranh giới về phía đất liền của hành lang bảo vệ đê biển theo quy định của pháp luật về đê điều.

Trường hợp khoảng cách lớn nhất tính từ đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm đến các đường quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 2 nhỏ hơn 100 mét thì chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển tại mặt cắt đó được xác định là 100 mét; nếu chiều rộng tự nhiên của khu vực thiết lập hành lang nhỏ hơn 100 mét thì chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển tại mặt cắt đó được xác định bằng chiều rộng tự nhiên của khu vực thiết lập hành lang.

Trường hợp khoảng cách lớn nhất tính từ đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm đến các đường quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 2 lớn hơn chiều rộng tự nhiên của khu vực thiết lập hành lang thì chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển tại mặt cắt đó được xác định bằng chiều rộng tự nhiên của khu vực thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

3. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bến Tre gồm ranh giới trong và ranh giới ngoài được quy định tại Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bến Tre.

4. Hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bến Tre bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp dự án Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bến Tre.

b) Bản đồ chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bến Tre, tỷ lệ 1/10.000.

c) Sơ đồ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bến Tre (62 mốc).

Điều 4. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được cắm dọc theo ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển; được xác định tại các vị trí thuận lợi, ổn định, gần đường ranh giới trong, được mô tả rõ khoảng cách, phương vị từ vị trí này đến vị trí ranh giới trong đã được thiết kế trên bản đồ. Thực hiện theo Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển gồm phần đế mốc và thân mốc; mặt mốc được gắn tim sứ, có khắc chìm số hiệu mốc là viết tắt tên địa danh hành chính gồm tỉnh, huyện, xã và số thứ tự của mốc giới; thân mốc khắc chìm dòng ghi chú “MỐC GIỚI HLBVBB”.

3. Hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển:

- a) Báo cáo công tác cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển.
- b) Sơ đồ đồ vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Bến Tre, tỷ lệ 1/10.000.

4. Quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển:

a) Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới.

b) Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hàng năm và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, đảm bảo đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ lưu giữ.

Điều 5. Các hoạt động bị nghiêm cấm, bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 24 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 25 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý hành lang bảo vệ bờ biển có trách nhiệm:

- a) Bàn giao hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển cho các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, các xã ven biển thuộc khu vực hành lang bảo vệ bờ biển để quản lý, sử dụng.

b) Lưu trữ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển, hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Quy định này.

d) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

đ) Hàng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng.

e) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định pháp luật.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trong các trường hợp được quy định tại Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

h) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Quy định này.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện ven biển

Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Quy định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã ven biển

Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; quy định tại Khoản 3 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết

thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Quy định này.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công thương; Thủ trưởng các ban, ngành: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã ven biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này được điều chỉnh, sửa đổi phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Đài PT-TH Bến Tre, Báo Đồng Khởi;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng: TH, NC, TCĐT, KT;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tam